

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2- 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 - 29

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 đã được soát xét.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Trạm Bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 theo Quyết định số 1302/QĐ-BXD ngày 18 tháng 10 năm 2002 và Quyết định số 1653/QĐ-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Trạm Bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 - Doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty Cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0101334087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 05 tháng 7 năm 2010.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: SONG DA INFRASTRUCTURE CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: SICO.,JSC.

Công ty hiện đang niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: SDH

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng trệt - Tòa nhà SICO, thôn Phú Mỹ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Vũ Văn Bảy	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên
	Ông Lưu Tuấn Hùng	Thành viên
	Ông Trần Đại Tùng	Thành viên
	Ông Đặng Văn Thăng	Thành viên
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Vũ Văn Bảy	Tổng Giám đốc
	Ông Lưu Tuấn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Lộc	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT TẠI NGÀY 30/6/2010**

Tên công ty con	Địa chỉ đăng ký	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ kiểm soát	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Sico	Xã Yên Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	30	51%	Xây dựng hạ tầng, sản xuất bê tông thương phẩm
Công ty Cổ phần Sico Yên Hòa	Tầng Trệt, tòa nhà Sico, đường Phạm Hùng, thôn Phú Mỹ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội	06	70%	Xây dựng hạ tầng, sản xuất bê tông thương phẩm

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2010



Số: **481** /2010/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM**BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà (gọi tắt là "Công ty") cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010, được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ trang 05 đến trang 29 kèm theo

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Ý kiến soát xét**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

**Nguyễn Phú Hà****Tổng Giám đốc**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0389/KTV

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)****Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.**

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2010

**Phan Thanh Nam****Kiểm toán viên**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1009/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Mẫu B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2010 VND	01/01/2010 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>423.427.571.804</b>	<b>229.308.991.134</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>42.711.410.982</b>	<b>13.745.823.028</b>
1. Tiền	111		27.711.410.982	7.745.823.028
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	6.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>91.882.180.397</b>	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	91.882.180.397	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>206.330.713.608</b>	<b>135.373.747.965</b>
1. Phải thu khách hàng	131		144.402.421.404	98.946.122.636
2. Trả trước cho người bán	132		39.494.923.201	8.129.656.546
5. Các khoản phải thu khác	135	5.4	23.379.188.921	29.243.788.701
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(945.819.918)	(945.819.918)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>40.576.240.024</b>	<b>40.600.125.314</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.3	40.576.240.024	40.600.125.314
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>41.927.026.793</b>	<b>39.589.294.827</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.302.274	67.631.410
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.606.938.399	1.857.672.398
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	37.312.786.120	37.663.991.019
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>81.706.450.705</b>	<b>57.868.540.456</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>66.455.637.929</b>	<b>48.473.469.280</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	34.226.052.002	20.446.309.626
<i>Nguyên giá</i>	222		49.913.523.946	33.565.379.038
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(15.687.471.944)	(13.119.069.412)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.7	4.003.103.013	5.617.852.607
<i>Nguyên giá</i>	225		10.064.896.329	12.383.613.631
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(6.061.793.316)	(6.765.761.024)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	28.226.482.914	22.409.307.047
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>5.168.473.470</b>	<b>7.064.000.000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.8	5.168.473.470	7.064.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.082.339.306</b>	<b>2.331.071.176</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	9.206.196.370	1.457.029.633
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		876.142.936	874.041.543
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>505.134.022.509</b>	<b>287.177.531.590</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Mẫu B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2010	01/01/2010
			VND	VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>245.492.333.043</b>	<b>198.556.265.608</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>206.349.747.371</b>	<b>179.489.302.711</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	67.003.893.187	36.692.493.285
2. Phải trả người bán	312		61.752.410.617	78.358.054.792
3. Người mua trả tiền trước	313		15.464.095.984	15.620.635.844
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	22.324.267.094	15.827.130.396
5. Phải trả người lao động	315		1.968.684.157	2.088.716.953
6. Chi phí phải trả	316	5.13	14.017.940.714	7.524.402.722
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	22.623.941.299	23.951.206.277
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.194.514.319	(573.337.558)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>39.142.585.672</b>	<b>19.066.962.897</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333		1.101.023.906	1.101.023.906
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.15	36.954.596.679	17.853.432.487
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		98.456.754	112.506.504
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		988.508.333	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>242.507.890.949</b>	<b>84.185.649.558</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>242.507.890.949</b>	<b>84.185.649.558</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		209.500.000.000	51.750.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.957.753.767	12.157.753.767
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.089.188.627	4.123.922.704
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.020.970.147	1.070.087.999
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8.939.978.408	15.083.885.088
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>439</b>		<b>17.133.798.517</b>	<b>4.435.616.424</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>505.134.022.509</b>	<b>287.177.531.590</b>

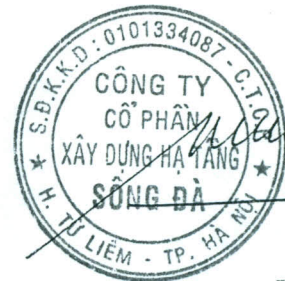
Kế toán trưởng



Chu Thị Ánh

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2010

Tổng Giám đốc



Vũ Văn Bảy



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

MS	CHỈ TIÊU	TM	Từ 01/01/2010	Từ 01/01/2009
			đến 30/6/2010	đến 30/6/2009
			VND	VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.17	122.657.874.446	27.443.133.339
02	Các khoản giảm trừ		-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV		122.657.874.446	27.443.133.339
11	Giá vốn hàng bán	5.18	96.965.778.176	23.162.409.870
<b>20</b>	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV</b>		<b>25.692.096.270</b>	<b>4.280.723.469</b>
21	Doanh thu hoạt động tài chính	5.19	611.826.733	21.008.854
22	Chi phí tài chính	5.20	4.368.754.970	945.387.723
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		4.368.754.970	945.387.723
24	Chi phí bán hàng		-	-
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.21	12.497.498.762	2.223.133.483
<b>30</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>9.437.669.271</b>	<b>1.133.211.117</b>
31	Thu nhập khác	5.22	6.561.178.822	8.773.457.763
32	Chi phí khác	5.22	1.104.056.599	4.606.399.153
<b>40</b>	<b>Lợi nhuận khác</b>		<b>5.457.122.223</b>	<b>4.167.058.610</b>
<b>50</b>	<b>Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết</b>		<b>(95.526.530)</b>	<b>-</b>
<b>60</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>14.799.264.964</b>	<b>5.300.269.727</b>
61	Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.23	3.768.549.267	1.225.687.374
62	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(2.101.393)	-
<b>63</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số</b>		<b>225.158.211</b>	<b>232.860.584</b>
<b>70</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế cổ đông Công ty Mẹ</b>		<b>10.807.658.879</b>	<b>3.841.721.769</b>
<b>80</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu của cổ đông Công ty mẹ</b>	<b>5.24</b>	<b>1.736</b>	<b>742</b>

Kế toán trưởng



Chu Thị Ánh

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2010

Tổng Giám đốc



Vũ Văn Bảy

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

Bảo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Mẫu B 03 - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2010
		đến 30/6/2010 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
1. Lợi nhuận trước thuế	1	14.799.264.964
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao tài sản cố định	2	3.115.825.253
- Các khoản dự phòng	3	(14.049.750)
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(6.224.122.969)
- Chi phí lãi vay	6	4.368.754.970
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	16.045.672.468
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	(75.428.624.497)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	23.885.290
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	1.306.102.358
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	7.688.837.601
- Tiền lãi vay đã trả	13	(6.267.064.836)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	29.144.663.962
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(36.481.966.125)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<u>(63.968.493.779)</u>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(23.845.067.135)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	590.525.983
3. Tiền chi cho vay	23	(91.882.180.397)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.165.549.708
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<u>(113.971.171.841)</u>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	157.750.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	114.308.250.418
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(61.823.787.093)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(3.071.899.231)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(257.310.520)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<u>206.905.253.574</u>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	50	<u>28.965.587.954</u>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	<u>13.745.823.028</u>
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	<u><u>42.711.410.982</u></u>

Kế toán trưởng



Chu Thị Ánh

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2010  
Tổng Giám đốc

Vũ Văn Bảy



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09A-DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Trạm Bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 theo Quyết định số 1302/QĐ-BXD ngày 18 tháng 10 năm 2002 và Quyết định số 1653/QĐ-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Trạm Bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 - Doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty Cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0101334087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 05 tháng 7 năm 2010.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: SONG DA INFRASTRUCTURE CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: SICO.,JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 là 209.500.000.000 đồng. Cổ đông sáng lập gồm:

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	1.862.800	18.628.000.000	8,89%
Ông Hồ Văn Dũng	280	2.800.000	0,00%
Ông Vũ Văn Bảy	1.322.588	13.225.880.000	6,31%
311 cổ đông	132.000	1.320.000.000	0,63%

Công ty hiện đang niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: SDH

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng trệt - Tòa nhà SICO, thôn Phú Mỹ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, bê tông thương phẩm;
- Sản xuất, lắp đặt các cấu kiện bê tông, kết cấu thép;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, bu điện, các công trình thủy lợi, giao thông, đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu công, các công trình kỹ thuật hạ tầng, đô thị và các khu công nghiệp, các công trình đường dây trạm biến thế 110KV, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình cấp thoát nước, lắp đặt các đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh, trang trí nội thất, gia công lắp đặt khung nhôm kính các loại;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu nguyên, nhiên vật liệu, vật tư thiết bị, phụ tùng máy xây dựng;
- Sản xuất kinh doanh que hàn;
- Kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị và khu công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh điện;
- Tư vấn giám sát xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Trang trí ngoại thất công trình;
- Cho thuê văn phòng, nhà ở, kho bãi, nhà xưởng, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống giải khát, dịch vụ vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, vũ trường, quán bar);
- Sản xuất, mua bán xi măng;
- Kinh doanh, khai thác, chế biến các loại khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Đại lý kinh doanh xăng dầu, mỡ nhờn, khí đốt;



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Nhận ủy thác đầu tư cho các tổ chức trong và ngoài nước.
- Đào tạo, dạy nghề công nhân kỹ thuật chuyên ngành xây dựng và công nghiệp thông tin (Chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép);
- Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô theo hợp đồng;
- Thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng công viên;
- Quản lý, điều hành công viên, khu vui chơi, giải trí công cộng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu sản bao bì và in ấn bao bì;
- Sản xuất, kinh doanh thiết bị trong lĩnh vực trường học, giáo dục, y tế, thiết bị nghiên cứu khoa học và thí nghiệm;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cơ khí phục vụ trong ngành xây dựng, giáo dục và y tế.

Hoạt động chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 là: xây lắp hạ tầng, sản xuất bê tông thương phẩm, cho thuê máy móc thiết bị....

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

#### Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Năm tài chính/kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi bổ sung.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

#### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**4.1 Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc thu mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**4.2 Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**4.4 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.5 Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**4.6 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, dự phòng khoản phải thu khó đòi được lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**4.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

**4.8 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 28
Máy móc, thiết bị	04 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	04

**4.9 Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****4.9 Thuê tài sản (Tiếp theo)**

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	07
Phương tiện vận tải	06 - 08

**4.10 Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá Đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4.12 Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước bao gồm chi phí dàn giáo cốppha và giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ. Trong đó, chi phí công cụ và dụng cụ được phân ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng; chi phí dàn giáo cốppha được phân bổ trong thời gian 36 tháng.

**4.13 Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**4.14. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoặc sau khi có quyết định thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**4.15. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thụ được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**4.16. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**4.17. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**4.17 Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.18 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**4.19 Bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	6.073.593.468	407.947.462
Tiền gửi ngân hàng	21.637.817.514	7.337.875.566
Tiền đang chuyển	-	6.000.000.000
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>42.711.410.982</b>	<b>13.745.823.028</b>

**5.2 Đầu tư ngắn hạn**

	30/6/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	91.882.180.397	-
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>	<i>16.882.180.397</i>	-
<i>Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân</i>	<i>45.000.000.000</i>	-
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy</i>	<i>30.000.000.000</i>	-
<b>Tổng</b>	<b>91.882.180.397</b>	-

**5.3 Hàng tồn kho**

	30/6/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.456.580.958	4.360.133.155
Công cụ, dụng cụ	145.419.109	139.200.927
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	33.005.686.922	34.784.903.369
Thành phẩm	733.628.934	1.004.634.071
Hàng gửi đi bán	234.924.101	311.253.792
<b>Tổng</b>	<b>40.576.240.024</b>	<b>40.600.125.314</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.4 Các khoản phải thu khác**

	<b>30/6/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Sico Yên Sơn	8.171.235.683	18.084.667.375
Công ty Cổ phần Sico Devyt	-	4.614.565.818
Công ty CP PTKT hỗ trợ tài năng trẻ Việt Nam	3.500.000.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH XD&CN Delta	3.465.825.890	210.697.985
Ban điều hành Dự án Xi măng Hạ Long	1.706.576.235	1.706.576.235
HTX DVNN KD tổng hợp Hợp Nhất	1.200.000.000	1.200.000.000
Chênh lệch giá Xi măng Sotraco	875.747.628	875.747.628
Hồ Thị Xuân Hòa	600.000.000	-
Công ty CP XD & XL Nền móng Công trình	441.162.195	-
Tiền giảm trừ doanh thu nhà HH Mỹ Đình	439.505.981	439.505.981
Công nợ lương phải thu của CBCNV	430.067.057	329.225.345
Chi nhánh thi công cơ giới dầu khí	339.632.574	60.000.000
Đỗ Văn Tám	266.764.227	266.764.227
Chênh lệch thép giá VIS	177.423.592	177.423.592
Công ty Liên doanh Sico Delta Đồng Bằng	177.031.500	-
Phải thu chờ xử lý	136.380.487	-
Công ty CP Bê tông XD Vinacnex Xuân Mai	134.928.420	-
Công ty CP Bê tông Xây dựng Anh Khánh	115.180.668	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	31.585.779	41.006.985
Công ty Cổ phần Sông Đà - Phương Nam	10.000.000	200.000.000
Các khoản phải thu khác	1.160.141.005	1.037.607.530
<b>Tổng</b>	<b><u>23.379.188.921</u></b>	<b><u>29.243.788.701</u></b>

**5.5 Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	27.350.252.220	19.726.369.119
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác	9.962.533.900	17.937.621.900
<b>Tổng</b>	<b><u>37.312.786.120</u></b>	<b><u>37.663.991.019</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.6 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc ,thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2010	3.547.182.625	26.686.219.552	1.057.805.750	795.931.667	1.478.239.444	33.565.379.038
Tăng trong kỳ	-	12.595.374.364	3.499.469.757	98.430.272	1.230.117.543	17.423.391.936
Mua trong kỳ	-	438.636.364	1.180.752.455	86.070.272	1.230.117.543	2.935.576.634
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	12.156.738.000	-	-	-	12.156.738.000
Tăng khác	-	-	2.318.717.302	12.360.000	-	2.331.077.302
Giảm trong kỳ	-	240.470.712	-	75.529.860	759.246.456	1.075.247.028
Thanh lý, nhượng bán	-	240.470.712	-	75.529.860	759.246.456	1.075.247.028
Số dư tại 30/6/2010	3.547.182.625	39.041.123.204	4.557.275.507	818.832.079	1.949.110.531	49.913.523.946
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2010	353.337.513	10.823.884.189	757.892.531	433.107.598	750.847.581	13.119.069.412
Tăng trong kỳ	70.943.653	2.187.193.082	1.484.018.969	78.287.820	135.235.486	3.955.679.010
Khấu hao trong kỳ	70.943.653	2.051.307.033	109.018.143	78.287.820	135.235.486	2.444.792.135
Tăng khác	-	135.886.049	1.375.000.826	-	-	1.510.886.875
Giảm trong kỳ	-	1.011.554.773	-	69.089.854	306.631.851	1.387.276.478
Thanh lý, nhượng bán	-	186.436.502	-	69.089.854	306.631.851	562.158.207
Giảm khác	-	825.118.271	-	-	-	825.118.271
Số dư tại 30/6/2010	424.281.166	11.999.522.498	2.241.911.500	442.305.564	579.451.216	15.687.471.944
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2010	3.193.845.112	15.862.335.363	299.913.219	362.824.069	1.369.659.315	20.446.309.626
Tại 30/6/2010	3.122.901.459	27.041.600.706	2.315.364.007	376.526.515	727.391.863	34.226.052.002

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.7 Tài sản cố định thuê tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2010	10.064.896.329	2.318.717.302	12.383.613.631
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	2.318.717.302	-	2.318.717.302
Giảm khác	2.318.717.302	-	2.318.717.302
Số dư tại 30/6/2010	<u>7.746.179.027</u>	<u>2.318.717.302</u>	<u>10.064.896.329</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2010	5.486.270.238	1.279.490.786	6.765.761.024
Tăng trong kỳ	671.033.118	-	671.033.118
Khấu hao trong kỳ	671.033.118	-	671.033.118
Giảm trong kỳ	1.375.000.826	-	1.375.000.826
Giảm khác	1.375.000.826	-	1.375.000.826
Số dư tại 30/6/2010	<u>4.782.302.530</u>	<u>1.279.490.786</u>	<u>6.061.793.316</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2010	<u>2.963.876.497</u>	<u>1.039.226.516</u>	<u>5.617.852.607</u>
Tại 30/6/2010	<u><u>4.578.626.091</u></u>	<u><u>1.039.226.516</u></u>	<u><u>4.003.103.013</u></u>

**5.8 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	30/6/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sico Yên Sơn	5.168.473.470	5.264.000.000
Công ty Cổ phần Sico Devyt	-	1.800.000.000
<b>Tổng</b>	<u><u>5.168.473.470</u></u>	<u><u>7.064.000.000</u></u>

Công ty liên doanh, liên kết	Tại ngày 30/6/2010			Tại ngày 01/01/2010		
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Sico Yên Sơn	526.400	5.168.473.470	28,00%	526.400	5.264.000.000	28,00%
Công ty Cổ phần Sico Devyt	-	-	0,00%	180.000	1.800.000.000	22,50%



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Từ 01/01/2010  
đến 30/6/2010  
VND

Tại ngày 1 tháng 1	22.409.307.047
Tăng trong kỳ	20.924.479.198
Kết chuyển tài sản cố định	12.156.738.000
Giảm khác	2.950.565.331
<b>Tại ngày 30 tháng 6</b>	<b>28.226.482.914</b>

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30/6/2010 VND	01/01/2010 VND
Chi phí mua sắm tài sản cố định	18.714.711.434	12.156.738.000
Dự án KCN Yên Phong II - Bắc Ninh	8.721.296.205	7.456.259.321
Chế tạo silobentonita	293.496.099	-
Trạm Bê tông Mỗ Lao	202.470.807	1.973.957.076
Sửa chữa lớn TSCĐ	115.000.000	-
Nhà sản xuất thuốc hàn	76.727.600	76.727.600
Nhà làm việc	41.930.365	691.729.596
Dự án 3.2 ha Phú Diễn	27.320.909	27.320.909
Dự án tổ hợp KSVP nhà ở tại Mỹ Đình	26.574.545	26.574.545
Gia công dựng ống đổ bê tông	5.203.950	-
Máy khuấy ben	1.751.000	-
<b>Tổng</b>	<b>28.226.482.914</b>	<b>22.409.307.047</b>

**5.10 Chi phí trả trước dài hạn**

Từ 01/01/2010  
đến 30/6/2010  
VND

Tại ngày 1 tháng 1	1.457.029.633
Tăng trong kỳ	9.247.605.952
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	1.498.439.215
<b>Tại ngày 30 tháng 6</b>	<b>9.206.196.370</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.10 Chi phí trả trước dài hạn (Tiếp theo)**

	<b>30/6/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi tiết theo nội dung</b>		
Dàn giáo, cốppha	3.883.909.658	85.858.889
Xây lắp trạm bê tông	1.656.667.572	-
Công cụ dụng cụ thi công	1.144.956.313	364.903.230
Xây nhà làm việc	638.162.140	-
Công cụ, dụng cụ văn phòng	342.915.433	323.453.189
TSCĐ vô hình chuyển sang chi phí	326.418.766	364.918.766
Máy xúc lật TCM	281.360.909	-
Lắp đặt nội thất văn phòng làm việc	236.398.050	-
Tiền sơn toà nhà SICO	223.302.195	-
Chi phí trả trước khác	184.456.941	83.286.159
Chi phí khác	90.949.101	118.790.661
Vật liệu điện	88.673.722	115.818.739
Chi phí Kiểm toán năm 2009	55.000.000	-
Phí Bảo hiểm máy KCN	29.147.594	-
Chi phí, sửa chữa, vận chuyển máy	23.877.976	-
<b>Tổng</b>	<b>9.206.196.370</b>	<b>1.457.029.633</b>

**5.11 Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>30/6/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (*)	29.809.680.781	19.999.984.535
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Thanh Xuân (**)	34.679.870.591	2.912.052.989
Tổng Công ty Sông Đà	-	2.000.000.000
Vay cá nhân	390.000.000	5.562.780.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.124.341.815	6.217.675.761
<b>Tổng</b>	<b>67.003.893.187</b>	<b>36.692.493.285</b>

(\*) : Hợp đồng tín dụng số 01/2010/249/HĐTDHM ngày 10 tháng 5 năm 2010

Mức dư nợ tối đa: 30 tỷ đồng

Thời hạn vay: Dưới 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng, theo từng khế ước vay từng lần cụ thể

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động

Lãi suất cho vay: Theo thông báo của Ngân hàng theo từng lần giải ngân cụ thể. Lãi vay được trả hàng tháng theo lãi suất ghi trong từng lần giải ngân

Tài sản đảm bảo: Máy móc thiết bị, xe cơ giới, nhà xưởng

(\*\*): Hợp đồng tín dụng số 01/2010/HĐTD-HM/HTSĐ ngày 26 tháng 3 năm 2010

Hạn mức tín dụng: 70 tỷ duy trì đến 31 tháng 3 năm 2011

Mục đích vay: Thanh toán chi phí phục vụ hoạt động sản xuất

Thời hạn cho vay: Được quy định cụ thể trong mỗi lần giải ngân được ghi trong giấy nhận nợ nhưng không vượt quá 06 tháng.

Lãi suất cho vay: Áp dụng theo phương pháp thả nổi, lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng thêm biên độ tối thiểu 3%/ năm. Mức lãi suất cho vay áp dụng tại thời điểm ký hợp đồng là 12%/ năm. Mức lãi suất kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2010 là 14%/ năm.

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc dự án tham gia cho vay (gồm cả quyền hưởng lợi, quyền nhận tiền bảo hiểm nếu có phát sinh từ tài sản đó).



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	30/6/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	9.207.608.763	6.711.790.463
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.490.918.826	8.722.369.559
Thuế thu nhập cá nhân	332.230.465	139.188.464
Thuế tài nguyên	49.627.735	19.379.857
Các loại thuế khác	228.598.305	225.598.305
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	15.283.000	8.803.748
<b>Tổng</b>	<b>22.324.267.094</b>	<b>15.827.130.396</b>

**5.13 Chi phí phải trả**

	30/6/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công trình Trung tâm Thương mại Mỗ Lao	4.629.019.129	-
Công trình Thái Hà	4.261.147.454	-
Công trình CT8 Dương Nội	2.510.478.407	3.309.946.135
Công trình TTC	583.001.702	583.001.702
Công trình Nhà máy Xi măng Hạ Long	574.608.480	574.608.480
Công trình Hồ Gươm	308.941.068	-
Các công trình liên doanh	177.031.500	-
Công trình Học viện Quân y 103	162.684.191	162.684.191
Công trình Viện KHVN Hoàng Quốc Việt	155.955.691	1.987.637.257
Chi phí phát hành cổ phiếu	150.000.000	-
Công trình thủy điện Nậm Mu	133.222.000	133.222.000
Công trình Trạm bê tông	126.818.182	385.463.637
Công trình thủy điện Nậm Chiến	54.293.727	54.293.727
Công trình Nha Trang	53.000.000	53.000.000
Công ty Cổ phần Sông đà 1	46.000.000	46.000.000
Công trình Năng Hương	44.404.085	44.404.085
Công trình TTTM & VP cho thuê (Mỗ Lao)	19.861.701	19.861.701
Chi phí máy thi công	15.000.000	-
Công trình Thủy điện Tuyên Quang	12.473.397	12.473.397
Công trình Hải Bình	-	157.806.410
<b>Tổng</b>	<b>14.017.940.714</b>	<b>7.524.402.722</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.14 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	30/6/2010	01/01/2010
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, y tế	863.282.995	569.854.737
Kinh phí công đoàn	180.427.629	168.171.169
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.580.230.675	23.213.180.371
<i>Cổ tức phải trả</i>	8.815.433.423	453.083.943
<i>DONGRIWON Development VINA Co.Ltd</i>	-	6.000.000.000
<i>CN Công ty Cổ phần tập đoàn Nam Cường</i>	3.905.182.098	3.905.182.098
<i>Công ty CP PTKT hỗ trợ tài năng trẻ Việt Nam</i>	-	2.400.000.000
<i>Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Delta</i>	681.540.909	1.967.326.364
<i>Cán bộ công nhân viên mua vật tư</i>	1.862.487.920	819.052.154
<i>Công ty Cổ phần thiết bị CN &amp; XD</i>	862.971.618	862.971.618
<i>Ban điều hành Dự án Xi măng Hạ Long</i>	837.348.710	837.348.710
<i>Công ty TNHH Nam Linh</i>	685.981.818	-
<i>Công ty TNHH Thương mại &amp; Xây dựng An Quân</i>	674.901.910	674.901.910
<i>Công ty CP Thương mại &amp; DVVT Nghĩa Hưng</i>	453.890.026	367.199.184
<i>Tiền vật tư theo hợp đồng</i>	360.171.525	518.072.992
<i>Trạm Bê tông</i>	293.993.579	-
<i>Trịnh Tiến Thành</i>	238.836.679	-
<i>Công ty TNHH Thương mại DVVT Hoàng Minh</i>	223.999.772	223.999.772
<i>Trạm bê tông Sông Đà</i>	185.968.417	201.790.835
<i>Tổng công ty Sông Đà</i>	174.918.414	745.167.553
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 9 - Vốn lưu động</i>	119.367.277	672.670.202
<i>Bảo hiểm thất nghiệp Nguyễn Văn Ngoại</i>	63.298.476	14.821.325
<i>29.450.000</i>	29.450.000	593.851.680
<i>HTX DVNN KD tổng hợp Hợp Nhất</i>	-	444.000.000
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà - Phương Nam</i>	-	200.000.000
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	1.110.488.104	1.311.740.031
<b>Tổng</b>	<b>22.623.941.299</b>	<b>23.951.206.277</b>

**5.15 Vay và nợ dài hạn**

	30/6/2010	01/01/2010
	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>35.252.297.067</b>	<b>15.900.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Thanh Xuân	35.252.297.067	15.900.000.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>1.702.299.612</b>	<b>1.953.432.487</b>
Thuê tài chính (Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam)	1.702.299.612	1.953.432.487
<b>Tổng</b>	<b>36.954.596.679</b>	<b>17.853.432.487</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.16 Vốn chủ sở hữu****a. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	<b>30/6/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	18.628.000.000	4.657.000.000
Ông Vũ Văn Bảy	13.225.880.000	5.123.354.333
Ông Lưu Tuấn Hùng	758.750.000	675.000.000
Các cổ đông còn lại	176.887.370.000	41.294.645.667
<b>Tổng</b>	<b>209.500.000.000</b>	<b>51.750.000.000</b>

**b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Từ 01/01/2010</b>	<b>Từ 01/01/2009</b>
	<b>đến 30/6/2010</b>	<b>đến 30/6/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	51.750.000.000	51.750.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	157.750.000.000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ	209.500.000.000	51.750.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>8.280.000.000</b>	<b>-</b>

**c. Cổ phiếu**

	<b>Từ 01/01/2010</b>	<b>Từ 01/01/2009</b>
	<b>đến 30/6/2010</b>	<b>đến 30/6/2009</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>15.775.000</b>	<b>-</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>15.775.000</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	15.775.000	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>20.950.000</b>	<b>5.175.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	20.950.000	5.175.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**d. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2009	51.750.000.000	12.157.753.767	3.336.616.940	759.546.267	772.684.031	68.776.601.005
Tăng trong năm	-	-	787.305.764	310.541.732	16.933.617.606	18.031.465.102
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-	631.481.527	-	-	631.481.527
Phân phối lợi nhuận	-	-	155.824.237	310.541.732	-	466.365.969
Lãi trong năm	-	-	-	-	16.933.617.606	16.933.617.606
Giảm trong năm	-	-	-	-	2.622.416.549	2.622.416.549
Thù lao HĐQT và Ban điều hành	-	-	-	-	25.200.000	25.200.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.422.766.276	1.422.766.276
Giảm khác	-	-	-	-	1.174.450.273	1.174.450.273
Số dư tại 31/12/2009	51.750.000.000	12.157.753.767	4.123.922.704	1.070.087.999	15.083.885.088	84.185.649.558
Số dư tại 01/01/2010	51.750.000.000	12.157.753.767	4.123.922.704	1.070.087.999	15.083.885.088	84.185.649.558
Tăng trong kỳ	157.750.000.000	-	5.596.747.450	1.950.882.148	12.898.267.147	178.195.896.745
Góp vốn	157.750.000.000	-	-	-	-	157.750.000.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	5.596.747.450	1.950.882.148	-	7.547.629.598
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	10.807.658.879	10.807.658.879
Tăng khác	-	-	-	-	2.090.608.268	2.090.608.268
Giảm trong kỳ	-	200.000.000	631.481.527	-	19.042.173.827	19.873.655.354
Chia trả cổ tức năm 2009	-	-	-	-	8.280.000.000	8.280.000.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	9.974.881.475	9.974.881.475
Thù lao HĐQT và Ban điều hành	-	-	-	-	153.600.000	153.600.000
Giảm khác	-	200.000.000	631.481.527	-	633.692.352	1.465.173.879
Số dư tại 30/6/2010	209.500.000.000	11.957.753.767	9.089.188.627	3.020.970.147	8.939.978.408	242.507.890.949



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.17 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009 VND
Doanh thu hoạt động xây dựng	89.900.342.491	7.539.129.937
Doanh thu hàng hóa, thành phẩm	26.419.864.995	17.225.295.547
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.337.666.960	2.678.707.855
<b>Tổng</b>	<b>122.657.874.446</b>	<b>27.443.133.339</b>

**5.18 Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	65.303.176.723	6.087.841.964
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	26.037.882.449	15.484.153.750
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	5.624.719.004	1.590.414.156
<b>Tổng</b>	<b>96.965.778.176</b>	<b>23.162.409.870</b>

**5.19 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	608.196.713	21.008.854
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.630.020	-
<b>Tổng</b>	<b>611.826.733</b>	<b>21.008.854</b>

**5.20 Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009 VND
Lãi tiền vay	4.368.754.970	945.387.723
<b>Tổng</b>	<b>4.368.754.970</b>	<b>945.387.723</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	4.973.551.380
Chi phí vật liệu quản lý	459.514.679
Chi phí đồ dùng văn phòng	296.654.397
Chi phí khấu hao tài sản cố định	916.950.068
Thuế, phí và lệ phí	76.000.586
Chi phí dịch vụ mua ngoài	646.432.427
Chi phí quản lý bằng tiền khác	5.128.395.225
<b>Tổng</b>	<b>12.497.498.762</b>

**5.22 Lợi nhuận từ hoạt động khác**

	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 VND</b>	<b>Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009 VND</b>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>6.561.178.822</b>	<b>8.773.457.763</b>
Thu thanh lý tài sản cố định	590.525.983	450.000.000
Chênh lệch giá trị tài sản hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần phát triển kinh tế hỗ trợ tài năng trẻ Việt Nam	5.921.326.151	-
Chênh lệch tài sản góp vốn vào Công ty Cổ phần Sico Yên Sơn	-	8.000.000.000
Chênh lệch tài sản góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Sico	-	229.651.663
Thu sửa chữa cấp pha	19.954.931	-
Vật tư tiết kiệm	-	93.806.100
Thu nhập khác	29.371.757	-
<b>Chi phí khác</b>	<b>1.104.056.599</b>	<b>4.606.399.153</b>
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	484.990.080	450.000.000
Chi phí thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 167/2009 với Công ty Cổ phần Phát triển Kinh tế hỗ trợ tài năng trẻ Việt Nam	414.565.818	-
Giá trị còn lại tài sản góp vốn vào Công ty Cổ phần Sico Yên Sơn	-	2.436.670.315
Chi phí sửa chữa cấp pha	12.981.340	-
Chi phí gia công chòil bảo vệ	8.325.504	-
Tiền bù đơn giá khối lượng năm 2007, 2008	-	660.142.870
Chi phí khác	183.193.857	1.059.585.968
<b>Thu nhập khác thuần</b>	<b>5.457.122.223</b>	<b>4.167.058.610</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>14.799.264.964</b>	<b>5.300.269.727</b>
Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí không phù hợp cho mục đích tính thuế, lỗ Công ty liên doanh liên kết)	274.932.103	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>15.074.197.067</b>	<b>5.300.269.727</b>
Thuế suất thông thường	25%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>3.768.549.267</b>	<b>1.325.067.432</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư số 03/2009	-	99.380.058
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.768.549.267</b>	<b>1.225.687.374</b>
Chi phí thuế TNDN năm trước chuyển sang	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.768.549.267</b>	<b>1.225.687.374</b>

**5.24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.807.658.879	3.841.721.769
a. Số điều chỉnh giảm	-	-
b. Số điều chỉnh tăng	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	10.807.658.879	3.841.721.769
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	6.226.667	5.175.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.736</b>	<b>742</b>

**5.25 Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.857.631.914	15.721.744.034
Chi phí nhân công	16.829.412.982	7.213.427.998
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.115.825.253	2.993.103.543
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.644.426.206	1.578.952.447
Chi phí khác bằng tiền	36.352.838.966	9.091.852.100
<b>Tổng</b>	<b>108.800.135.321</b>	<b>36.599.080.122</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Khoản cam kết và thông tin tài chính khác**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH hữu hạn có 01 thành viên trở lên số 0104683600 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà nội cấp ngày 24 tháng 5 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty TNHH SICO - Đồng Bằng là 15.000.000.000 đồng, trong đó Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Sông Đà góp 8.000.000.000 đồng (bằng tiền và tài sản), chiếm 53,3% vốn điều lệ, Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Đồng Bằng góp 7.000.000.000 đồng chiếm 46.7% vốn điều lệ. Đến ngày 28 tháng 8 năm 2010, Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà góp vào Công ty TNHH SICO - Đồng Bằng 400.000.000 đồng bằng tiền mặt và 5.301.000.000 đồng bằng tài sản.

**6.2 Số liệu so sánh**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2009 chưa được kiểm toán.

Kế toán trưởng



Chu Thị Ánh

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2010

Tổng Giám đốc



Vũ Văn Bảy